

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**KHOA LUẬT**

**TRẦN THỊ THU THỦY**

**ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN**

*Chuyên ngành* : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

*Mã số* : 60 38 01 01

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**HÀ NỘI - 2017**

**Công trình được hoàn thành  
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

***Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS Bùi Xuân Đức***

***Phản biện 1:***

***Phản biện 2:***

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại  
Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi      giờ      , ngày      tháng      năm 2017.

**Có thể tìm hiểu luận văn  
tại Trung tâm thông tin - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội  
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

# MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

Trang

<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
<b>MỞ ĐẦU</b>	<b>1</b>
<b>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN</b>	<b>6</b>
1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của Thẩm phán, sự phát triển địa vị pháp lý của Thẩm phán qua các thời kỳ, vị trí vai trò của Thẩm phán	6
1.1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của Thẩm phán	6
1.1.2. Sự phát triển địa vị pháp lý của Thẩm phán qua các thời kỳ	7
1.1.3. Vị trí, vai trò của Thẩm phán	16
1.2. Nội dung địa vị pháp lý của Thẩm phán, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán trong hoạt động xét xử	17
1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán	17
1.2.2. Ý nghĩa của việc quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán	19
1.3. Phân loại địa vị pháp lý của Thẩm phán	21
1.3.1. Địa vị pháp lý của Thẩm phán hình sự	22
1.3.2. Địa vị pháp lý của Thẩm phán dân sự	23
1.3.3. Địa vị pháp lý của Thẩm phán hành chính	24
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN THEO PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH</b>	<b>26</b>
2.1. Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán trong xét xử án hình sự	26
2.1.1. Những quy định pháp luật trong xét xử án hình sự	26
2.1.2. Những bất cập và hạn chế	35
2.2. Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán trong giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự	37
2.2.1. Những quy định pháp luật trong xét xử dân sự	37

2.2.2.	Những bất cập và hạn chế	49
2.3.	Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán trong xét xử các vụ án hành chính	50
2.3.1.	Những quy định pháp luật trong xét xử án hành chính	50
2.3.2.	Những bất cập và hạn chế	52
	<b>Chương 3: QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN</b>	56
3.1.	Yêu cầu tăng cường địa vị pháp lý của Thẩm phán trong thời kỳ mới	56
3.2.	Quan điểm hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán trong giai đoạn hiện nay	57
3.2.1.	Hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán phải trên cơ sở thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách tư pháp	57
3.2.2.	Hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán đảm bảo phù hợp các quy định của Hiến pháp năm 2013	58
3.2.3.	Đổi mới, kiện toàn đội ngũ Thẩm phán đáp ứng yêu cầu, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội mới	59
3.3.	Một số giải pháp hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán	59
3.3.1.	Tăng thẩm quyền cho Thẩm phán trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến tố tụng	59
3.3.2.	Bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán	60
3.3.3.	Nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán	64
3.3.4.	Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ đối với Thẩm phán	65
3.3.5.	Đảm bảo bản án, quyết định của Thẩm phán được thực hiện trong thực tiễn	68
	<b>KẾT LUẬN</b>	70
	<b>DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO</b>	71

## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thẩm phán là tên gọi của người tham gia quá trình tố tụng - một chủ thể đóng vai trò quan trọng của hoạt động xét xử. Xét xử là giai đoạn đóng vai trò quyết định của toàn bộ quy trình tố tụng. Vì xét xử là quá trình kiểm soát, sử dụng kết quả của các hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử (đối với tố tụng hình sự), hoạt động thu thập, đánh giá chứng cứ (trong tố tụng dân sự)... Xét xử là hoạt động được tiến hành một cách công khai, có sự tham gia của đầy đủ các bên chủ thể có liên quan đến vụ việc bao gồm: nguyên đơn, bị đơn; bị cáo, người làm chứng, cơ quan tiến hành tố tụng, những thông tin được sử dụng tại Tòa án cũng là những thông tin đầy đủ nhất. Do đó, Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa, cũng những thành viên khác của Hội đồng xét xử phải là những cá nhân có đủ đức, đủ tài, đủ tâm và đủ tầm mới có thể đảm nhiệm được công việc điều khiển phiên tòa diễn ra đúng quy định pháp luật, khách quan, hiệu quả, đạt được mục đích giải quyết được mâu thuẫn phát sinh giữa các bên, truy cứu trách nhiệm pháp lý đúng người đúng hành vi vi phạm pháp luật.

So với quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1988, Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 (sửa đổi) đã có nhiều chuyển biến tích cực trong việc ghi nhận vị trí, vai trò của Thẩm phán khi tham gia vào hoạt động tố tụng hình sự. Cùng với đó, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ra đời cũng đã khắc phục được những hạn chế của Bộ luật Tố tụng dân sự cũ về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán trong hoạt động tố tụng dân sự. Tuy nhiên, sau hơn mười năm áp dụng Bộ luật Tố tụng hình sự và hơn 2 năm áp dụng Bộ luật Tố tụng dân sự, hoạt động xét xử đã cho thấy một số hạn chế của pháp luật hiện hành về địa vị pháp lý của Thẩm phán. Đây cũng chính là những nguyên nhân dẫn đến hiệu quả của hoạt động xét xử chưa cao.

Để hoàn thiện vị trí của người Thẩm phán (đặc biệt là Thẩm phán đảm nhiệm vị trí chủ tọa), tác giả cho rằng việc tiến hành nghiên cứu cơ sở lý luận về Thẩm phán, nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán trong các quy trình tố tụng là rất cần thiết. Kết quả của hoạt động nghiên cứu sẽ là nguồn tài liệu quý giá có giá trị tham khảo cho hoạt động học tập, giảng dạy của học viên,

sinh viên và đặc biệt hơn, kết quả nghiên cứu của luận văn cũng góp phần cung cấp thêm cho hoạt động lập pháp một góc nhìn mới về vai trò của Thẩm phán trong giai đoạn xét xử. Chính bởi các lý do trên mà tác giả luận văn lựa chọn đề tài: "**Địa vị pháp lý của Thẩm phán**" để nghiên cứu, phát triển luận văn cao học của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Cho đến thời điểm hiện tại, đã có nhiều công trình nghiên cứu khoa học liên quan đến địa vị pháp lý của Thẩm phán được triển khai. Những đề tài sản phẩm và đang là cơ sở khoa học cung cấp cho tác giả luận văn cơ sở lý luận, cơ sở khoa học để tiến hành việc nghiên cứu đề tài. Cụ thể là:

Bùi Thị Huyền, *Bàn về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Thẩm phán trong tố tụng dân sự*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2001.

Lê Thị Thúy Nga, *Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Thẩm phán trong tố tụng dân sự Việt Nam*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội, 2012, do TS. Bùi Thị Huyền hướng dẫn.

Đỗ Gia Thư, *Cơ sở khoa học của việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán ở nước ta hiện nay*, Luận án tiến sĩ Luật học, 2006.

Bùi Văn Lương, *Vai trò của Thẩm phán trong hoạt động tố tụng hình sự*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Khoa Luật - Đại học quốc gia Hà Nội, 2006.

Đặng Mai Hoa, *Địa vị pháp lý của Thẩm phán trong tố tụng hình sự trước yêu cầu cải cách tư pháp*, Luận văn thạc sĩ Luật học, 2010.

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu trên cũng đã phân tích các yếu tố lý luận xung quanh chủ đề về địa vị pháp lý của Thẩm phán, nhưng đều hướng đến việc phân định vai trò đó trong các quy trình tố tụng độc lập ví dụ như: dân sự hoặc hình sự... mà chưa đi nghiên cứu một cách hệ thống, khái quát các quy định về vai trò, vị trí, nhiệm vụ của Thẩm phán nói chung và trong các loại hình tố tụng nói riêng. Bên cạnh đó, phần lớn các công trình khoa học nói trên được các tác giả tiến hành khi Pháp lệnh Thẩm phán còn hiệu lực và Bộ luật Tố tụng dân sự chưa được thông qua. Thời điểm hiện tại, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đã có hiệu lực, Pháp lệnh Thẩm phán đã hết hiệu lực, do đó những quy định về Thẩm phán đã có nhiều điểm mới, những điểm thay đổi.

Từ đó, tác giả luận văn cho rằng việc tiến hành nghiên cứu các quy định pháp luật hiện hành về địa vị pháp lý của Thẩm phán ở Việt Nam là cần thiết.

### **3. Mục đích nghiên cứu**

- Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về địa vị pháp lý của Thẩm phán, cung cấp hệ lý luận cho việc xây dựng và hoàn thiện pháp luật về Thẩm phán.

- Đánh giá được những những nội dung tiên bộ và chưa phù hợp của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của Thẩm phán.

- Đưa ra những kiến nghị cụ thể để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả điều chỉnh pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán, góp phần thúc đẩy việc nâng cao chất lượng của hoạt động xét xử ở Việt Nam.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Đề tài tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về địa vị pháp lý của Thẩm phán bao gồm Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003, Luật Tổ chức Tòa án năm 2012, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật tố tụng hành chính, Luật Thi hành án dân sự...

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Đề tài tập trung vào nghiên cứu những vấn đề lý luận, quy định của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của Thẩm phán, cụ thể:

- Nghiên cứu các vấn đề lý luận cơ bản về địa vị pháp lý của Thẩm phán như khái niệm, vai trò, vị trí của Thẩm phán, các loại Thẩm phán và ý nghĩa của việc nghiên cứu, quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán.

- Nghiên cứu lược sử hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về địa vị pháp lý của Thẩm phán để làm sáng tỏ quá trình thay đổi, phát triển của các nội dung này trong hệ thống pháp luật.

Trong sự giới hạn về thời gian và phạm vi, đề tài không đi nghiên cứu thực tiễn áp dụng pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

Tác giả luận văn tiến hành nghiên cứu đề tài dựa trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đề tài có sử dụng các phương pháp nghiên cứu luật học truyền thống như phương pháp phân tích để làm rõ các vấn đề lý luận, các quy định của pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán; phương pháp khái quát, tổng hợp để làm đưa ra những kết luận, kiến nghị hoàn thiện pháp luật về địa vị pháp lý của Thẩm phán...

## **6. Kết cấu của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương.

*Chương 1: Những vấn đề lý luận về địa vị pháp lý của Thẩm phán.*

*Chương 2: Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán theo pháp luật hiện hành.*

*Chương 3: Quan điểm và giải pháp hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán.*

## **Chương 1**

### **NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN**

#### **1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của Thẩm phán, sự phát triển địa vị pháp lý của Thẩm phán qua các thời kỳ, vị trí vai trò của Thẩm phán**

##### ***1.1.1. Khái niệm địa vị pháp lý của Thẩm phán***

Qua phân tích, tác giả luận văn đưa ra khái niệm: *địa vị pháp lý của Thẩm phán là những quy định pháp luật về vị trí, vai trò của Thẩm phán khi tham gia quá trình tố tụng nhằm đảm bảo cho chủ thể này thực hiện tốt nhiệm vụ, chức năng của mình trong quá trình xét xử các vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự.*

##### ***1.1.2. Sự phát triển địa vị pháp lý của Thẩm phán qua các thời kỳ***

Trong mục này, tác giả luận văn trình bày về sự phát triển địa vị pháp lý của Thẩm phán qua các thời kỳ, bao gồm:

*1.1.2.1. Giai đoạn từ 1945 đến 1959*

*1.1.2.2. Giai đoạn từ 1960 đến 1980*

*1.1.2.3. Giai đoạn từ 1980 đến 1989*

*1.1.2.4. Giai đoạn từ 1990 đến 01/01/2005*

*1.1.2.5. Giai đoạn từ năm 2005 đến nay*



### ***1.1.3. Vị trí, vai trò của Thẩm phán***

Trong hoạt động xét xử của Tòa án, bất kể đó là quy trình tố tụng hành chính, hình sự hay dân sự, Thẩm phán đều được coi là nhân vật trung tâm do Thẩm phán là chủ thể được quyền nhân danh Nhà nước thực hiện nhiệm vụ xét xử. Thẩm phán được quyền sử dụng quyền lực của mình dựa trên các quy định của pháp luật hiện hành để xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật để ra một phán quyết buộc người có hành vi vi phạm phải chịu hậu quả pháp lý về hành vi sai trái của mình.

Tuy nhiên, trong các quy trình tố tụng khác nhau, vị trí vai trò của Thẩm phán cũng có những đặc trưng riêng biệt:

(1) Trong lĩnh vực tố tụng dân sự: Quy trình tố tụng dân sự được bắt đầu bởi việc tiếp nhận đơn yêu cầu, đơn khởi kiện của chủ thể có liên quan, do đó, Thẩm phán là chủ thể thực hiện mọi hoạt động từ thụ lý, thu thập chứng cứ, lập hồ sơ, tiến hành hòa giải, xét xử...

(2) Trong lĩnh vực tố tụng hình sự, tố tụng hành chính: Trong quá trình xét xử các vụ án hình sự, các vụ án hành chính, vai trò, vị trí của Thẩm phán được thể hiện rất rõ qua ba giai đoạn: giai đoạn chuẩn bị xét xử (bắt đầu kể khi hồ sơ vụ án cùng quyết định truy tố được chuyển sang Tòa án có thẩm quyền và kết thúc khi Hội đồng xét xử vào phòng xử án); giai đoạn xét xử tại phiên tòa và giai đoạn sau khi kết thúc phiên tòa (bắt đầu từ thời điểm bế mạc phiên Tòa và kết thúc khi hết thời gian kháng cáo, kháng nghị).

*Do vậy, dù tham gia vào quy trình tố tụng nào Thẩm phán cũng được coi là chủ thể pháp lý nắm một vị trí quan trọng và vai trò quyết định, không thể thiếu đối với quá trình đó. Hoạt động xét xử của Thẩm phán có thể nói là hoạt động mang tính chất quyết định, có tầm ảnh hưởng lớn và cuối cùng của hoạt động tố tụng.*

## **1.2. Nội dung địa vị pháp lý của Thẩm phán, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán trong hoạt động xét xử**

### ***1.2.1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán***

Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn là giới hạn, phạm vi những công việc, những hoạt động mà Thẩm phán được thực hiện hoặc phải thực hiện trong quá trình giải quyết các vụ án hình sự, vụ án hành chính, vụ việc dân sự

nhằm mục đích không những chấm dứt được tranh chấp một cách khách quan, đúng pháp luật, mà còn có chức năng đảm bảo cho hoạt động xét xử phải công bằng, giúp cân bằng lợi ích giữa các cá nhân với nhau, lợi ích của cá nhân với pháp nhân, nhà nước...

Trong mỗi quy trình tố tụng khác nhau (dân sự, hình sự, hành chính), bên cạnh những nhiệm vụ chung như điều hành phiên Tòa thì Thẩm phán cũng có những quyền hạn, nhiệm vụ riêng biệt.

Nhiệm vụ, quyền hạn và ngay cả trách nhiệm của Thẩm phán được Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ chức Tòa án quy định rất cụ thể, tương ứng với các thời kỳ khác nhau.

### ***1.2.2. Ý nghĩa của việc quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán***

*Thứ nhất*, khẳng định vị trí, vai trò của Thẩm phán trong cơ cấu tổ chức của Tòa án.

*Thứ hai*, khẳng định vị trí, vai trò của Thẩm phán so với các chức danh khác trong hệ thống các chức danh của ngành Tư pháp.

*Thứ ba*, việc quy định địa vị pháp lý của Thẩm phán còn là căn cứ xác định trách nhiệm của cá nhân Thẩm phán khi người này thực hiện hành vi tố tụng không theo đúng chuẩn mực mà các văn bản pháp luật đã quy định.

*Thứ tư*, bên cạnh những ý nghĩa ràng buộc trách nhiệm, nâng cao ý thức thực hiện nhiệm vụ của Thẩm phán trong hoạt động xét xử. Việc nghiên cứu, quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán được coi như một hoạt động vinh danh chức danh này.

### **1.3. Phân loại địa vị pháp lý của Thẩm phán**

Căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của từng cấp tòa án, Điều 67 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 quy định tiêu chuẩn cụ thể của các ngạch Thẩm phán. Tuy nhiên, khi nghiên cứu về vai trò, vị trí của Thẩm phán trong hoạt động xét xử, tác giả luận văn nhận thấy, trong mỗi quy trình tố tụng khác nhau, các quy định pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán lại có những quy định đặc thù khác nhau. Trên cơ sở Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, tác giả luận văn phân loại địa vị pháp lý của Thẩm phán dựa trên loại vụ việc mà Thẩm phán tham gia giải quyết thành ba loại: Thẩm phán hình sự; Thẩm phán dân sự; Thẩm phán hành chính. Cụ thể:

### ***1.3.1. Địa vị pháp lý của Thẩm phán hình sự***

Trong các quy định của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 không có sự phân định rõ ràng tên gọi như cách gọi của tác giả. Tuy nhiên, khi Thẩm phán được chánh án phân công thực hiện nhiệm vụ giải quyết vụ án hình sự, cụ thể trong phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán được giao nhiệm vụ ngoài việc thỏa mãn những tiêu chuẩn chung về Thẩm phán nói trên còn là người có kiến thức về khoa học điều tra, am hiểu về tâm lý tội phạm. Ngoài những nhiệm vụ quyền hạn nói chung của Thẩm phán được quy định trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân. Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán giải quyết vụ án hình sự còn được quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự.

### ***1.3.2. Địa vị pháp lý của Thẩm phán dân sự***

Cũng tương tự như Thẩm phán hình sự, Thẩm phán đảm nhiệm hoạt động xét xử các vụ án dân sự ngoài việc tuân thủ các quy định pháp luật về tiêu chuẩn để trở thành Thẩm phán. Thẩm phán được Chánh án phân công giải quyết vụ việc dân sự sẽ có những quyền hạn nói chung mà Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 ghi nhận. Ngoài ra, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự nói chung và vụ án dân sự nói riêng đã có những đặc điểm riêng biệt so với vụ án hình sự hay việc giải quyết vụ án hành chính. Đối tượng của hoạt động xét xử dân sự là những yêu cầu, những tranh chấp phát sinh từ các quan hệ tài sản, quan hệ nhân thân do luật dân sự điều chỉnh. Nếu như trong hoạt động xét xử vụ án hình sự, Thẩm phán là người "cầm cân nảy mực", đưa ra những phán quyết dựa trên hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra cung cấp, dựa trên bản truy tố của viện kiểm sát... thì trong hoạt động tố tụng dân sự Thẩm phán gần như đảm đương toàn bộ, không có kết luận của cơ quan điều tra, không có hồ sơ vụ án do cơ quan điều tra cung cấp mà chính Thẩm phán trong một số trường hợp phải tự mình thu thập tài liệu, chứng cứ để có thể giải quyết tranh chấp. Khi giải quyết tranh chấp Thẩm phán và các thành viên khác trong Hội đồng xét xử vụ án dân sự đóng vai trò là nhân vật trung gian lắng nghe phần tranh luận của các bên đương sự trước tòa, nhận xét, đưa ra kết luận giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật dân sự hiện hành. Quyền hạn và nhiệm vụ mà Thẩm phán phụ trách giải quyết dân sự thực hiện đã được quy định rất cụ thể trong Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

### ***1.3.3. Địa vị pháp lý của Thẩm phán hành chính***

Theo quy định của pháp luật, đối tượng xét xử của tòa hành chính là các quyết định hành chính và hành vi hành chính. Vì vậy khi xét xử, Tòa án chỉ xem xét tính hợp pháp về mặt hình thức, nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện. Nếu quyết định hành chính trái pháp luật, xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện thì Tòa án sẽ xem xét, ra bản án "hủy bỏ" làm mất hiệu lực pháp lý của quyết định hành chính.

Những quyền hạn và nhiệm vụ của Thẩm phán khi xét xử vụ án hành chính được pháp luật quy định cụ thể trong Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014. Ngoài ra, cũng như quy trình tố tụng hành chính, quyền năng, vai trò của Thẩm phán hành chính còn được điều chỉnh bởi văn bản chuyên biệt là Luật tố tụng hành chính năm 2015.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN THEO PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

#### **2.1. Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán trong xét xử án hình sự**

##### ***2.1.1. Những quy định pháp luật trong xét xử án hình sự***

Giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự có thể chia thành ba giai đoạn. Mỗi một giai đoạn, Thẩm phán chủ tọa lại có những nhiệm vụ phù hợp với tiến trình xét xử. Cụ thể:

*- Giai đoạn chuẩn bị xét xử: Bắt đầu từ khi hồ sơ vụ án cùng quyết định truy tố (cáo trạng) được chuyển sang Tòa án có thẩm quyền và kết thúc khi Tòa án có thẩm quyền vào phòng xử án.*

Trong giai đoạn này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có nhiệm vụ:

- + Xác định xem vụ án có thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp mình không.
- + Thẩm phán được quyền ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.
- + Thẩm phán được quyền ra quyết định trả hồ sơ để điều tra bổ sung.
- + Thẩm phán chủ tọa phiên tòa được quyền ra quyết định tạm đình chỉ vụ án.
- + Thẩm phán chủ tọa được quyền quyết định đình chỉ vụ án.

+ Thẩm phán chủ tọa được quyền áp dụng hoặc thay đổi hoặc hủy bỏ một số biện pháp ngăn chặn

- *Giai đoạn hai: Giai đoạn xét xử tại phiên Tòa: Giai đoạn bắt đầu từ thời điểm Hội đồng xét xử sơ thẩm vào phòng xử án và kết thúc sau khi Hội đồng xét xử tuyên bản án, quyết định.*

Theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự hiện hành thì Thẩm phán chủ tọa phiên tòa vừa là người tiến hành tố tụng vừa là người điều khiển toàn bộ hoạt động tố tụng tại phiên tòa của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng.

*Thứ nhất*, vai trò của Thẩm phán trong thủ tục bắt đầu phiên tòa. Thủ tục bắt đầu phiên Tòa nhằm kiểm tra sự có mặt của những người tham gia tố tụng được triệu tập, giải quyết các yêu cầu, đề nghị của các bên nhằm tạo ra các điều kiện cần thiết cho các phần tiếp theo của phiên tòa. Theo quy định của cả Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, các hoạt động ở phần bắt đầu phiên tòa đều do Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa điều hành theo trình tự, thủ tục luật định.

*Thứ hai*, Thẩm phán là chức danh duy nhất được điều khiển hoạt động xét hỏi tại Tòa.

*Thứ ba*, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm là người điều khiển hoạt động tranh luận tại phiên tòa.

*Thứ tư*, Thẩm phán là một trong những chủ thể quan trọng trong quá trình thảo luận và thông qua quyết định, bản án kết tội hoặc không kết tội tại phòng nghị án.

*Thứ năm*, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa là người đọc bản án, quyết định của tòa án và là người có thể phải giải thích thêm về việc chấp hành bản án và quyền kháng cáo.

- *Giai đoạn ba, giai đoạn sau khi kết thúc phiên tòa: Bắt đầu kể từ thời điểm bế mạc phiên toàn và kết thúc sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.*

Trong giai đoạn này thông thường Thẩm phán sẽ là người đảm nhận nhiệm vụ chỉ đạo thư ký tòa giao bản án cho bị cáo, Viện kiểm sát... gửi trích lục bản án đến cơ quan, tổ chức có trách nhiệm thi hành án.

Ngoài việc nắm giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm của hoạt động tố tụng dân sự, Thẩm phán còn giữ những nhiệm vụ quan trọng khác của hoạt động xét xử phúc thẩm. Trong giai đoạn này, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng phải đảm bảo việc xét xử lại vụ án về mặt nội dung và thực hiện chức năng giám đốc xét xử của tòa án cấp trên với tòa án cấp dưới. Thẩm phán là một trong những thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nhằm kiểm tra tính hợp pháp và tính có căn cứ của bản án, quyết định của tòa án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật. Thủ tục xét xử phúc thẩm cũng được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm đảm bảo áp dụng các nguyên tắc xét xử như phiên tòa sơ thẩm.

### **2.1.2. Những bất cập và hạn chế**

*Thứ nhất*, sự vi phạm nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật của Thẩm phán vẫn xảy ra

*Thứ hai*, hoạt động xét xử các vụ án hình sự của Thẩm phán quá lệ thuộc vào kết quả của hoạt động điều tra ban đầu.

*Thứ ba*, trong hoạt động xét xử một số Thẩm phán vẫn còn bị tác động bởi các yếu tố tiêu cực từ phía những người tham gia tố tụng.

## **2.2. Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán trong giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự**

### **2.2.1. Những quy định pháp luật trong xét xử dân sự**

Trong hoạt động tố tụng dân sự, vị trí, vai trò của Thẩm phán được quy định thông qua nhiệm vụ, quyền hạn của họ. Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004 đã quy định tại Điều 41, và những quy định này đã được hoàn thiện trong quy định tại Điều 48, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bao gồm những nhiệm vụ, quyền hạn như: (1) Xử lý đơn khởi kiện, đơn yêu cầu, thụ lý vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này; (2) Lập hồ sơ vụ việc dân sự; (3) Tiến hành thu thập, xác minh chứng cứ, tổ chức phiên tòa, phiên họp để giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này; (4) Quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; (5) Quyết định tạm đình chỉ hoặc đình chỉ giải quyết vụ việc dân sự, quyết định tiếp tục đưa vụ việc dân sự ra giải quyết; (6) Giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện quyền được yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp

luật về trợ giúp pháp lý; (7) Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ra quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định của Bộ luật này; (8) Quyết định đưa vụ án dân sự ra xét xử, đưa việc dân sự ra giải quyết; (9) Triệu tập người tham gia phiên tòa, phiên họp; (10) Chủ tọa hoặc tham gia xét xử vụ án dân sự, giải quyết việc dân sự; (11) Đề nghị Chánh án Tòa án phân công Thẩm tra viên hỗ trợ thực hiện hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; (12) Phát hiện và đề nghị Chánh án Tòa án kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; (13) Xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật; (14) Tiến hành hoạt động tố tụng khác khi giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quy trình tố tụng dân sự, vị trí, vai trò của Thẩm phán thể hiện rất rõ trong các giai đoạn sau của hoạt động xét xử sơ thẩm vụ án dân sự:

*Giai đoạn thứ nhất:* Thụ lý vụ án dân sự và trả lại đơn khởi kiện vụ án dân sự.

*Giai đoạn thứ hai:* Chuẩn bị xét xử

*Giai đoạn thứ 3:* Xét xử vụ án tại phiên tòa sơ thẩm.

*\* Vai trò của Thẩm phán dân sự trong thủ tục xét xử phúc thẩm vụ án dân sự*

- Nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán trong hoạt động chuẩn bị xét xử phúc thẩm: Để chuẩn bị xét xử Thẩm phán là người phải tiến hành nghiên cứu hồ sơ vụ án, bản án, quyết định bị kháng cáo, kháng nghị, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị và các chứng cứ, tài liệu kèm theo. Trong trường hợp thiếu chứng cứ, tài liệu thì yêu cầu đương sự bổ sung.

- Ban hành quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự: Trong thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm nếu có căn cứ tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm Thẩm phán chủ tọa cùng các thành viên khác của Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể ra quyết định tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm.

- Ban hành quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án dân sự: Theo quy định tại Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình chuẩn bị xét xử Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án và các thành viên khác của Hội đồng xét xử (chủ yếu là những Thẩm phán khác) có quyền ra quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hoặc một phần vụ án khi xảy ra các trường hợp được quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, hoặc trường hợp người kháng cáo rút toàn bộ kháng cáo, viện kiểm sát rút toàn bộ kháng nghị... Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án có hiệu lực thi hành ngay và phải được gửi ngay cho đương sự, cơ quan, tổ chức cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp.

- Ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: Thẩm phán phụ trách giải quyết vụ án và các Thẩm phán khác là thành viên của Hội đồng xét xử phúc thẩm phải ra quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm nếu hết thời hạn xét xử phúc thẩm mà không có căn cứ tạm đình chỉ hoặc đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm: Thẩm phán được phân công phụ trách vụ án là người điều khiển phiên tòa. Thẩm phán cùng các thành viên khác của Hội đồng xét xử phúc thẩm được quyền ra quyết định công nhận sự thỏa của các bên đương sự tại tòa; điều khiển hoạt động tranh luận tại tòa; nghị án và tuyên án. Theo quy định tại Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Thẩm phán phụ trách và các thành viên khác của Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự được quyền: giữ nguyên hoặc sửa bản án sơ thẩm; hủy bản án sơ thẩm, hủy một phần bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án sơ thẩm giải quyết lại vụ án dân sự; hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 311 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015... Kết thúc hoạt động xét xử phúc thẩm, Thẩm phán phụ trách và các thành viên khác của Hội đồng xét xử phúc thẩm vụ án dân sự tiến hành ra bản án phúc thẩm nhân danh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay từ ngày tuyên án.

*\* Vai trò của Thẩm phán khi xét xử vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn*

Khi vụ án dân sự có đủ các dấu hiệu theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và không thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Thẩm phán



phụ trách giải quyết vụ án dân sự ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục rút gọn. Trong thời hạn một tháng kể từ ngày thụ lý vụ án, tùy từng trường hợp Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm được quyền ra một trong các quyết định sau:

+ Tạm đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 288 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án theo quy định tại Điều 289 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo nội dung quy định tại khoản 1 Điều 290 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Quyết định chuyển vụ án sang giải quyết theo thủ tục thông thường nếu xuất hiện tình tiết mới quy định tại khoản 3 Điều 317 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong hoạt động xét xử phúc thẩm vụ án dân sự theo thủ tục rút gọn, Thẩm phán phụ trách là người quyết định các vấn đề khi giải quyết vụ án.

Nhìn chung, trong tố tụng dân sự Thẩm phán là người làm nhiệm vụ xét xử các vụ án và giải quyết các việc khác thuộc thẩm quyền của tòa án. Trong tố tụng dân sự Thẩm phán là người tiến hành tố tụng chủ yếu, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của tòa án trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Thẩm phán tham gia vào tất cả các giai đoạn của quá trình giải quyết vụ việc dân sự.

### **2.2.2. Những bất cập và hạn chế**

*Thứ nhất*, các quy định về địa vị pháp lý của Thẩm phán trong hoạt động tố tụng dân sự còn nhiều bất cập chưa đầy đủ.

*Thứ hai*, còn nhiều Thẩm phán gây sách nhiễu, đòi hỏi đương sự. Nhiều Thẩm phán trình độ năng lực yếu kém gây cản trở hoạt động tố tụng dân sự, làm giảm lòng tin của nhân dân với hoạt động tố tụng.

## **2.3. Thực trạng địa vị pháp lý của Thẩm phán trong xét xử các vụ án hành chính**

### **2.3.1. Những quy định pháp luật trong xét xử án hành chính**

Tòa hành chính là một bộ phận của Tòa án nhân dân, cũng giống như các phân Tòa khác, chức năng xét xử của Tòa hành chính chủ yếu thông qua hoạt động tố tụng của Thẩm phán.

Theo quy định của Điều 38 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, khi được Chánh án phân công, Thẩm phán có những nhiệm vụ quyền hạn như: (1) Xử lý đơn khởi kiện; (2) Lập hồ sơ vụ án hành chính; (3) Xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ; tổ chức phiên tòa, phiên họp để giải quyết vụ án hành chính theo quy định của Luật này; (4) Quyết định việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời; (5) Quyết định đình chỉ hoặc tạm đình chỉ, quyết định tiếp tục đưa vụ án hành chính ra giải quyết; (6) Giải thích, hướng dẫn cho đương sự biết để họ thực hiện quyền được yêu cầu trợ giúp pháp lý theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý; (7) Tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại theo quy định của Luật này; (8) Quyết định đưa vụ án hành chính ra xét xử; (9) Triệu tập người tham gia phiên tòa, phiên họp; (10) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ theo quy định của Luật này; (11) Chủ tọa hoặc tham gia Hội đồng xét xử vụ án hành chính; biểu quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử; (12) Xem xét về tính hợp pháp của văn bản hành chính, hành vi hành chính có liên quan đến quyết định hành chính, hành vi hành chính bị kiện và đề nghị Chánh án Tòa án kiến nghị với cơ quan, cá nhân có thẩm quyền xem xét văn bản hành chính, hành vi hành chính đó theo quy định của pháp luật; (13) Phát hiện và đề nghị Chánh án Tòa án kiến nghị với cơ quan có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định của Luật này; (14) Xử lý hành vi cản trở hoạt động tố tụng hành chính theo quy định của pháp luật; (15) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của Luật này.

Theo quy định của Luật tố tụng hành chính thì thẩm quyền giải quyết các khiếu kiện hành chính tại Tòa án nhân dân được mở rộng; trình tự, thủ tục giải quyết cũng có những sửa đổi, bổ sung quan trọng tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và toàn diện hơn để Tòa án nhân dân giải quyết các khiếu kiện hành chính có hiệu quả, góp phần bảo vệ tốt hơn các quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức; bảo vệ lợi ích của Nhà nước; tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa và phù hợp với những cam kết quốc tế của Việt Nam.

### 2.3.2. Những bất cập và hạn chế

*Thứ nhất*, chất lượng Thẩm phán chưa cao, chưa đáp ứng được việc giải quyết các tranh chấp hành chính.

*Thứ hai*, việc tổ chức bộ máy tòa án theo cấp lãnh thổ cũng gây khó khăn trong việc bố trí Thẩm phán làm công tác xét xử hành chính.

Ngoài ra, tác giả đồng ý với quan điểm cho rằng việc thi hành án hành chính hiện nay rất khó khăn vì các lý do: *Một là*, đối tượng phải chấp hành bản án, quyết định của Tòa án là cơ quan hành chính nhà nước hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước, mà cơ quan thi hành án ở địa phương lại do Ủy ban nhân dân quản lý, với mối quan hệ phụ thuộc như vậy cơ quan thi hành án rất khó áp dụng các biện pháp cưỡng chế để đảm bảo thi hành các bản án, quyết định của Tòa án đối với cơ quan trực tiếp quản lý mình. *Hai là*, pháp luật chưa quy định cụ thể về quy trình thi hành án, biện pháp, cách thức cưỡng chế để bảo đảm thi hành án. Trong thực tế xảy ra những trường hợp cơ quan thi hành án không biết phải cưỡng chế cơ quan Nhà nước nào, chẳng hạn Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi đất và yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện cưỡng chế thi hành quyết định trên, cá nhân bị thu hồi đất đã khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án có thẩm quyền về quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân tỉnh và hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân huyện, yêu cầu bồi thường thiệt hại. Như vậy, Ủy ban nhân dân huyện thực hiện yêu cầu, mệnh lệnh của cấp trên nhưng lại phải bồi thường thiệt hại, "cấp trên làm sai cấp dưới phải chịu bồi thường". Cấp nào sẽ bồi thường? Lấy tiền ở đâu để bồi thường? Đó thực sự là vấn đề nan giải đối với cơ quan thi hành án.

Theo quy định của pháp luật hiện hành nhiệm vụ tổ chức thi hành án dân sự do Bộ Tư pháp thống nhất quản lý (bao gồm cả tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, ngân sách, cơ sở, vật chất, tổ chức). Bộ Tư pháp đã đề nghị Chính phủ chuyển giao nhiệm vụ này cho Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện. Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 mặc dù đã thể chế hóa được những quan điểm căn bản của Đảng, tuy nhiên chưa triển khai phương án tổ chức hệ thống Tòa án nhân dân theo vùng, mà vẫn tổ chức theo mô hình 4 cấp: Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp cao, Tòa án nhân dân cấp

tỉnh, Tòa án nhân dân cấp huyện, bên cạnh đó là hệ thống Tòa án quân sự. Với mô hình này, mặc dù Luật Tố tụng hành chính năm 2015 cũng đã có những thay đổi là các khiếu kiện liên quan đến Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện không thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện, mà thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, với mối quan hệ phối hợp giữa Tòa án nhân dân với cấp ủy, chính quyền địa phương thì ít nhiều vẫn bị tác động tới việc Tòa án nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh thực hiện nguyên tắc "độc lập xét xử - chỉ tuân theo pháp luật". Dù thế nào chăng nữa, hoạt động của Tòa án không thể thoát ly hoàn toàn sự tác động, chi phối của cấp ủy, chính quyền địa phương. Bởi vậy, việc thiết kế tổ chức hệ thống Tòa hành chính trong hệ thống Tòa án nhân dân nên theo hướng: Tòa án sơ thẩm khu vực (không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp huyện); Tòa án phúc thẩm (không phụ thuộc vào đơn vị hành chính cấp tỉnh); Tòa án cấp cao và Tòa án nhân dân tối cao.

### **Chương 3**

## **QUAN ĐIỂM VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN**

### **ĐỊA VỊ PHÁP LÝ CỦA THẨM PHÁN**

#### **3.1. Yêu cầu tăng cường địa vị pháp lý của Thẩm phán trong thời kỳ mới**

Trong năm 2016, các Tòa án đã giải quyết 432.441 vụ án các loại trong tổng số 463.152 vụ án đã thụ lý (đạt tỷ lệ 93,4 %); số vụ án còn lại hầu hết còn trong thời hạn giải quyết theo quy định của pháp luật. So với cùng kỳ năm trước, số vụ án đã thụ lý tăng 36.424 vụ; đã giải quyết tăng 33.383 vụ; tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của Tòa án giảm so với 2015. Công tác giải quyết xét xử các loại án tiếp tục có những chuyển biến tích cực, hạn chế ở mức thấp nhất số lượng các vụ án để quá hạn luật định do lỗi chủ quan của Thẩm phán; đưa ra xét xử nghiêm minh các vụ án về tham nhũng và nhiều vụ án lớn, trọng điểm được dư luận quan tâm.

Toà án các cấp đã triển khai sâu rộng việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại tất cả các phiên toà xét xử, đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; các phán quyết của

Toà án căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên toà và trên cơ sở xem xét toàn diện, khách quan các chứng cứ của vụ án. Vì vậy việc xét xử các vụ án hình sự, cơ bản đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, trong năm 2016 chưa phát hiện trường hợp nào kết án oan người không có tội. Các trường hợp Tòa án trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung đều đảm bảo có căn cứ, đúng pháp luật và được Viện kiểm sát chấp nhận chiếm tỷ lệ cao.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở chương 2, hoạt động xét xử mà cụ thể là vai trò, vị thế của Thẩm phán vẫn còn những điểm bất cập, cần tiếp tục xem xét, hoàn thiện.

### **3.2. Quan điểm hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán trong giai đoạn hiện nay**

#### ***3.2.1. Hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán phải trên cơ sở thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về cải cách tư pháp***

Nhà nước ta luôn chú trọng đến công tác cải cách tư pháp mà yêu cầu bức thiết là xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Với tinh thần đó, nhiệm vụ xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức Tòa án trong sạch, vững mạnh chuyên nghiệp, từng bước hiện đại hóa, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần cải cách tư pháp, luôn được thể chế hóa trong các chỉ thị về triển khai, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm công tác hàng năm của ngành Tòa án nhân dân.

#### ***3.2.2. Hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán đảm bảo phù hợp các quy định của Hiến pháp năm 2013***

Theo quy định của Hiến pháp 2013, tại Chương VIII về Tòa án nhân dân, nhiều nội dung quan trọng về vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ (khoản 1 và 3 Điều 102); cơ cấu tổ chức (khoản 2 Điều 102); nguyên tắc và hoạt động của Tòa án nhân dân (Điều 103); về Thẩm phán và Hội thẩm (khoản 3 Điều 105); Hiến định nguyên tắc độc lập xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm (khoản 2 Điều 103); Đề cao việc tranh tụng tại Tòa án (khoản 5 Điều 103); đảm bảo áp dụng thống nhất pháp luật (Điều 104)... đều đã được bổ sung, sửa đổi. Đây là những nội dung lớn, khi hoàn thiện những quy định về địa vị

pháp lý của Thẩm phán cần lưu ý để phù hợp với quy định của Hiến pháp, tạo cơ sở pháp lý cho việc xây dựng, hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân nói chung, hoạt động của Thẩm phán nói riêng, xứng tầm là cơ quan thực hiện quyền tư pháp trong Nhà nước pháp quyền, thực sự là chỗ dựa của nhân dân về công lý, góp phần tích cực vào việc bảo vệ và khôi phục những quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị xâm phạm.

### ***3.2.3. Đổi mới, kiện toàn đội ngũ Thẩm phán đáp ứng yêu cầu, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội mới***

Những quy định về Thẩm phán nói riêng và hệ thống Tòa án nói chung được ban hành phải tạo cơ sở pháp lý để đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân theo hướng hợp lý, khoa học và hiện đại về cơ cấu tổ chức và điều kiện, phương tiện làm việc, khắc phục những tồn tại, bất cập hiện nay trong tổ chức và hoạt động của Tòa án; bảo đảm Thẩm phán thực hiện tốt chức năng xét xử, thực hiện quyền tư pháp của quốc gia; phục vụ có hiệu quả công cuộc đổi mới đất nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Ngoài ra, hoàn thiện những quy định về đội ngũ Thẩm phán phải nhằm bảo đảm kiện toàn, nâng cao trình độ, năng lực, bản lĩnh chính trị của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm và các chức danh tư pháp khác trong Tòa án nhân dân đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong giai đoạn mới của đất nước.

## **3.3. Một số giải pháp hoàn thiện địa vị pháp lý của Thẩm phán**

### ***3.3.1. Tăng thẩm quyền cho Thẩm phán trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến tố tụng***

Trên cơ sở đường lối của Đảng về cải cách tư pháp trong đó nhấn mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp, bổ trợ tư pháp nhất là cán bộ có chức danh tư pháp, theo hướng đề cao quyền hạn, trách nhiệm pháp lý.

Các quy định hiện hành theo hướng mở rộng thêm thẩm quyền cho Thẩm phán, ví dụ Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 tăng quyền, tăng trách nhiệm cho những người trực tiếp tiến hành tố tụng, trong đó có Thẩm phán. Cụ thể, cho Thẩm phán được phân công chủ tọa phiên tòa có các quyền: quyết định áp dụng, thay đổi hoặc huỷ bỏ biện pháp cưỡng chế; quyết định trưng cầu giám định, giám định bổ sung hoặc giám định lại, thực nghiệm

điều tra; thay đổi hoặc yêu cầu thay đổi người giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu thay đổi người định giá; v.v...

Tuy nhiên, cần mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với các khiếu kiện hành chính. Đổi mới mạnh mẽ thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính tại Tòa án.

### ***3.3.2. Bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán***

Nguyên tắc khi xét xử "Thẩm phán độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" được quy định trong các bản Hiến pháp của nước ta từ Hiến pháp năm 1946. Tuy có những thay đổi trong thể chế, hệ thống tổ chức bộ máy nhưng nguyên tắc độc lập của các Thẩm phán trong hoạt động xét xử đều được quy định trong các bản Hiến pháp, các đạo luật khác như Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Tố tụng dân sự,... Nguyên tắc này khẳng định trong hoạt động xét xử, Thẩm phán không phụ thuộc vào bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào khi đưa ra các nhận định định giá và phán quyết của mình về vụ án. Mọi cá nhân, tổ chức không được can thiệp vào hoạt động xét xử của tòa án.

Để bảo đảm tính độc lập của Thẩm phán, cần thực hiện đồng bộ một số giải pháp sau:

#### ***a. Đảm bảo việc xét xử của Thẩm phán chỉ dựa trên cơ sở pháp luật***

Việc xét xử của Tòa án phải dựa trên cơ sở pháp luật mới bảo đảm tính khách quan, vô tư. Nguyên tắc xét xử độc lập còn thể hiện trong quan hệ giữa các cấp xét xử, Tòa án cấp trên không được quyết định hoặc gợi ý cho Tòa án cấp dưới trước khi xét xử một vụ án cụ thể; ngược lại, khi xét xử phúc thẩm hoặc tái thẩm, giám đốc thẩm, tòa án cấp trên cũng không bị phụ thuộc bởi phán quyết của tòa cấp dưới.

#### ***b. Thay đổi quy định về nhiệm kỳ của Thẩm phán***

Pháp luật hiện hành cũng đã có những thay đổi tích cực liên quan đến nhiệm kỳ của Thẩm phán, cụ thể căn cứ theo Luật Tổ chức Tòa án nhân dân thì nhiệm kỳ đầu của Thẩm phán là năm năm, trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán khác thì nhiệm kỳ tiếp theo là 10 năm. Với các tiêu chuẩn như hiện nay thì nếu liên tục làm Thẩm phán đến 60 tuổi thì phải được bổ nhiệm trên, dưới 5 lần. Do đó ý kiến bổ nhiệm một lần, nhiệm kỳ Thẩm phán kéo dài suốt đời đã được đưa ra để thảo luận trong thời

gian qua. Nếu áp dụng cách thức bổ nhiệm một lần sẽ có thuận lợi là không phải tuyển chọn nhiều lần, đội ngũ Thẩm phán Toà án được ổn định, yên tâm công tác.

### *c. Thực hiện cơ chế kiểm soát tư cách và hoạt động của Thẩm phán*

Cần những cơ chế giám sát hữu hiệu vừa đảm bảo độc lập xét xử, vừa tăng cường tính chịu trách nhiệm của Thẩm phán, bao gồm cả những quy định về miễn nhiệm, bãi nhiệm Thẩm phán khi họ lạm dụng quyền lực của mình: chế độ khai báo thu nhập trước khi bổ nhiệm và định kỳ hàng năm hoặc vài năm; công khai bản án, quyết định của toà án đã xử...; tăng cường sự giám sát của xã hội đối với hoạt động của Thẩm phán...

### **3.3.3. Nâng cao trình độ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán**

Trong điều kiện hiện nay, các tranh chấp ngày càng đa dạng, phức tạp, cùng với mặt trái của cơ chế thị trường đang hàng ngày, hàng giờ tác động vào hoạt động xét xử, đòi hỏi Thẩm phán không chỉ có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng mà cần có lương tâm và đạo đức nghề nghiệp trong sáng.

Để nâng cao trình độ của Thẩm phán, cần đa dạng hoá các hình thức đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ thẩm phán như đào tạo tập trung các lớp tại các trường đào tạo, tổ chức các khoá ngắn hạn bồi dưỡng nghiệp vụ; ra các văn bản rút kinh nghiệm; tổ chức các cuộc thi, tham dự các phiên toà mẫu,...

Bên cạnh bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ, đội ngũ thẩm phán phải học tập nâng cao trình độ về chính trị, kiến thức hội nhập kinh tế quốc tế, kiến thức chuyên sâu về tin học, ngoại ngữ.

Ngoài việc bồi dưỡng, đào tạo về kiến thức chuyên môn và kỹ năng liên quan đến hoạt động của Thẩm phán, vấn đề tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đề cao phẩm chất đạo đức là cần thiết để xây dựng đội ngũ Thẩm phán vừa có tài, vừa có đức.

### **3.3.4. Tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất và chính sách đãi ngộ đối với Thẩm phán**

Tính đến tháng 7/2017, tổng số biên chế Tòa án được Ủy ban Thường vụ Quốc hội giao là hơn 15.200 người. Trong đó có 6.500 Thẩm phán và 8.700 công chức. Số biên chế thực tế của hệ thống Tòa án là hơn 17.500,



gồm 14.800 công chức, viên chức và gần 2.600 hợp đồng lao động. Thu nhập bình quân tại Tòa án nhân dân tối cao tính theo lương là 5,85 triệu đồng mỗi tháng và tại Học viện Tòa án là 3,6 triệu đồng mỗi tháng. Bồi lễ tự nhiên, tiền lương, thu nhập là yếu tố tác động, đe dọa sự liêm chính, độc lập và không thiên vị của Thẩm phán.

Với mức lương từ 3 đến 5 triệu đồng, Thẩm phán khó có thể bảo đảm cuộc sống bình thường của bản thân và gia đình, chưa nói đến chi phí học tập, y tế và rất nhiều trách nhiệm khác. Do thiếu thốn, người Thẩm phán, Thẩm tra viên, Thư ký Tòa án dễ bị cảm dỗ bởi những lợi ích vật chất, dễ sa ngã vào tiêu cực

Do đó, để Thẩm phán chuyên tâm công tác cũng như bảo đảm hiệu quả của hoạt động xét xử, Nhà nước phải chú trọng đến việc hoàn thiện các chế độ chính sách đối với Thẩm phán và cán bộ Tòa án.

Bên cạnh việc điều chỉnh mức lương cũng như chế độ đãi ngộ đối với Thẩm phán, để đảm bảo hiệu quả cho hoạt động xét xử, Nhà nước ta cũng cần tăng cường điều kiện về cơ sở vật chất và phương tiện làm việc cho các toà án.

### ***3.3.5. Đảm bảo bản án, quyết định của Thẩm phán được thực hiện trong thực tiễn***

Đây là nguyên tắc được quy định tại Điều 106 Hiến pháp năm 2013. Nguyên tắc hiến định trên khẳng định việc giải quyết vụ án kết thúc không chỉ bằng bản án hoặc quyết định mà quan trọng hơn là bảo đảm hiệu lực của các bản án và quyết định đó.

Cần tăng cường cơ chế phối hợp giữa các cơ quan hữu quan trong quá trình tiến hành tố tụng. Cần chuẩn bị điều kiện về cán bộ, cơ sở vật chất để phục vụ tốt hơn công tác thi hành án. Xác định rõ trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn cũng như các cơ quan chuyên môn trong việc thi hành bản án, quyết định của Tòa án.

Bên cạnh việc hoàn thiện chế độ hỗ trợ tư pháp, cũng cần đẩy mạnh hơn công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho cán bộ, nhân dân để người dân nhận thức rõ vai trò, nhiệm vụ của Thẩm phán đối với công tác xét xử nói riêng và hoạt động tư pháp nói chung.

## KẾT LUẬN

Cải cách tư pháp là một trong những nội dung quan trọng trong cải cách bộ máy nhà nước nhằm hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Trong đó, việc xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ nói chung cũng như nâng cao vị thế, vai trò của đội ngũ Thẩm phán nói riêng là nhiệm vụ quan trọng. Bởi lẽ Thẩm phán đóng vai trò trung tâm trong hoạt động xét xử. Chất lượng của Thẩm phán - chủ thể cầm cân nảy mực - là yếu tố quyết định đến hiệu quả quá trình giải quyết vụ việc.

Trong những năm qua, nhờ sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, nhờ sự thể chế hoá kịp thời những quy định mới cùng với sự đầu tư thích đáng của Nhà nước, số lượng và chất lượng của đội ngũ Thẩm phán đã nâng cao, cải thiện, góp phần đáng kể trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, của Nhà nước.

Tuy nhiên, không thể phủ nhận công tác tư pháp vẫn còn những bất cập, hiện tượng để lọt tội phạm hoặc làm oan người vô tội vẫn xảy ra. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân khác nhau nhưng chính sự thiếu về số lượng, yếu về trình độ và một bộ phận nhỏ Thẩm phán thiếu trách nhiệm chính là nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động xét xử. Do đó, luận văn tập trung phân tích những quy định hiện hành về địa vị pháp lý của Thẩm phán, trên cơ sở đó, tác giả luận văn mạnh dạn đề xuất những giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao hơn nữa địa vị của Thẩm phán trong thời gian tới.

Do phạm vi nghiên cứu rộng nên khi triển khai luận văn vẫn còn những thiếu sót. Tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp của các chuyên gia, thầy cô và bạn bè để hoàn thiện hơn nữa đề tài của mình.